

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2025/DS-PT
Ngày 09-4-2025
“V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất, bồi thường thiệt hại
về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20/01 và ngày 09/4/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 681/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1951;

2. Chị Cao Thị Tuyết Ng, sinh năm 1976;

3. Chị Cao Thị Tuyết Th, sinh năm 1973;

4. Chị Cao Thị Tuyết L, sinh năm 1979.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L: Chị Cao Thị Tuyết Ng, sinh năm 1976 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022, bút lục 58);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn:** Anh Cao Văn Nghi, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người kháng cáo:** Anh Cao Văn Nghi là bị đơn.

*** Quyết định kháng nghị phúc thẩm số:** 176/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2022, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L do chị Cao Thị Tuyết Ng đại diện theo ủy quyền cũng là nguyên đơn, trình bày:

Gia đình chị và anh Cao Văn Ngh không có quan hệ bà con. Cha chị tên Cao Văn Th (chết năm 2019), mẹ là Trần Thị N, cha mẹ chị có 03 người con gồm Cao Thị Tuyết Ng, Cao Thị Tuyết Th, Cao Thị Tuyết L.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông ngoại tên Trần Văn T(đã chết) để lại cho mẹ chị là bà Trần Thị N, không nhớ năm nào, chỉ nhớ cách nay trên 50 năm, việc cho đất không có làm giấy tờ, phần đất có diện tích 05 công (5000m² hiện còn 4.600m²), trong đó có 01 công đất hiện đang tranh chấp chưa được cấp quyền sử dụng đất, phần đất còn hơn 03 công thuộc thửa đất số 34 tờ bản đồ 3 thì gia đình chị được cấp quyền sử dụng đất lần đầu khi nào không nhớ chỉ nhớ hiện do chị đứng tên quyền sử dụng đất vào năm 2015 theo hình thức tặng cho. Nguyên nhân phần đất tranh chấp không được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do khi làm đường tuần tra biên giới nên không đăng ký được, đến năm 2020 thì gia đình chị đi đăng ký quyền sử dụng đất thì địa chính xã trả lời khi nào làm xong đường tuần tra biên giới, có trụ đèn thì đăng ký bổ sung là phần đất tranh chấp, chị đăng ký quyền sử dụng đất một cửa của Huyện hẹn tháng sau có giấy đỏ, sau đó anh Ngh đem trụ đá vô cắm trụ và anh Ngh nói đất của anh Ngh ai “làm đâm chết mẹ”, hai bên tranh chấp nên gia đình chị không được cấp quyền sử dụng đất cho đến nay, trước đây anh Ngh cũng làm đơn thừa chị tại Tòa án sau đó thì rút đơn khởi kiện, không thừa nữa. Nguyên nhân khi Ủy ban nhân dân xã hòa giải thì chị có đồng ý cho, hỗ trợ cho anh Ngh 20.000.000đ là do đất của anh Ngh dính một phần khoảng 7,5m² vào phần đất của anh Phan Văn C có đất giáp ranh với đất của chị, ngay chân lộ nên anh Cang động viên chị cho anh Ngh 20.000.000đ để gia đình chị làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn, trong đó có đất của anh Cang chị không rõ diện tích bao nhiêu. Phần đất có diện tích 1.000m² đang tranh chấp là gia đình chị làm ruộng trên 50 năm, gia đình anh Ngh không có canh tác, sử dụng đất tranh chấp, khi làm Đường tuần tra biên giới Nhà nước không có bồi thường đất, chỉ có bồi thường hoa màu với số tiền 48.000.000đ cho cha là ông Cao Văn Th, đất tranh chấp khi làm đường bị mức đất, không sử dụng được nên gia đình chị đã trang trải, tôn tạo mới được trồng lúa như hiện nay, không xác định được gia đình chị bắt đầu trang trải và trồng lúa khi nào, chỉ nhớ cho ông M thuê cũng được hơn 10 năm nhưng năm 2020 anh Ngh ngăn cản nên không còn cho thuê nữa. Tại phiên tòa thì lại khai sử dụng đất tranh chấp hơn 20 năm.

Đường tuần tra biên giới làm năm nào chị không biết, chỉ biết Nhà nước mở đường kênh vào năm 1993, có thu hồi đất của gia đình chị nhưng không có bồi thường đất, không rõ diện tích đất bị thu hồi bao nhiêu, sau đó trả lại đất cho gia đình chị, chị không còn giữ giấy tờ, quyết định về việc thu hồi đất cũng như trả lại đất. Vào năm 2009 giữa ông Th và anh Ngh có tranh chấp đất, trong đó không biết có phần đất hiện chị và anh Ngh đang tranh chấp không hay phần đất nào khác, chị không có nghe ông Th nói lại, cũng không biết ông Th và anh Ngh tranh

chấp phần đất nào, thuộc thửa đất, tờ bản đồ số mấy và không biết có thỏa thuận ai được sử dụng bao nhiêu đất không.

Tòa án có cho chị xem Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, có nội dung thu hồi phần đất để mức kênh có diện tích 1315,2m² thuộc thửa đất số 946, tờ bản đồ số 3 tương ứng thửa đất số 19 tờ bản đồ số 14 là toàn bộ diện tích đất của ông Cao Văn Th, không có đất của anh Ngh. Tại Quyết định số 5955/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự có nội dung thu hồi phần đất có diện tích 210,3m² thửa đất số 947, tờ bản đồ 03 tương ứng thửa số 20, tờ bản đồ số 14 cũng là đất của ông Th, không có đất của anh Ngh, mục đích để làm đường tuần tra biên giới, việc bị thu hồi đất thì gia đình chị không có khiếu nại. Chị xác định lại là không biết đất của gia đình chị bị thu hồi có tổng diện tích bao nhiêu.

Chị không biết sau đó Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự có ban hành quyết định nào để điều chỉnh Quyết định số 6045, 5955 hay không, tại Quyết định số 3941 ngày 09/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự có nội dung điều chỉnh Quyết định số 6045, nghĩa là phần đất có diện tích 1315,2m² của ông Cao Văn Th, thì trong đó 922m² đất là của anh Ngh thì không có, chị không biết có Quyết định 3941.

Trên đất tranh chấp chỉ trồng lúa, không có cây trồng hay tài sản, công trình xây dựng trên đất, lúc trước chị vay tiền và thế chấp cho Ngân hàng đối với phần đất thuộc thửa số 34 nhưng chị đã trả tiền cho Ngân hàng xong, hiện đất tranh chấp chưa có giấy, chị không có thế chấp, cầm cố hay cho ai thuê, vì năm 2020 anh Ngh đem trụ đá cắm tại đất tranh chấp và nói không cho ai làm nên hiện giờ đất bỏ trống. Chị thống nhất đất tranh chấp cho thuê mỗi năm 1.500.000đ.

Nay bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Ng, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L yêu cầu anh Cao Văn Ngh trả lại phần đất có diện tích 1.072,6m² theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 904,4m² thuộc một thửa đất 1515, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nghĩa là công nhận cho gia đình chị được sử dụng diện tích đất tranh chấp, còn thửa đất 34, đất giao thông, đường thủy lợi, tờ bản đồ số 3, chị không biết diện tích cụ thể bao nhiêu thì chị thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu anh Ngh bồi thường thiệt hại do ngăn cản chị canh tác đất với số tiền là 04 năm x 1.500.000đ/năm = 6.000.000đ.

Trước đây khi Tòa án hòa giải chị thống nhất hỗ trợ cho anh Ngh 30.000.000đ nếu anh Ngh không tranh chấp nhưng nay chị không đồng ý hỗ trợ nữa, vì anh Ngh cứ tranh chấp, ngăn cản không cho gia đình chị sử dụng đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của gia đình chị thì chị thống nhất không yêu cầu anh Ngh bồi thường chi phí tôn tạo đất. Nếu đất tranh chấp được hình thành từ thửa đất 946 thì chị thống nhất đất tranh chấp thuộc về anh Ngh, không tranh chấp thừa kiện nữa. Ngoài ra, chị không yêu cầu nào khác.

2. Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Cao Văn Ngh, trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ anh để lại tên Cao Văn Gi (đã chết), mẹ là Phạm Thị X (đã chết), cha mẹ ông có tổng 13 người con gồm: 1/ Cao Văn

L (chết không nhớ năm, có vợ La Thị H, không rõ năm sinh, con là Cao Văn C, Cao Văn S, Cao Văn Th, Cao Thị Mỹ Th, Cao Văn L ở cùng địa phương), 2/ Cao Văn Vệ (không nhớ năm chết, có vợ tên C không rõ họ tên, con là Cao Thị Thùy D, Cao Thị Th, Cao Thị Th, không rõ địa chỉ cụ thể); 3/ Cao Văn T (không nhớ năm chết, có vợ tên Lê, con là Cao Văn H, Cao Văn Ph, Cao Văn V, Cao Thị H không rõ địa chỉ); 4/ Cao Thị H; 5/ Cao Thị H; 6/ Cao Văn M; 7/ Cao Thị X; 8/ Cao Văn H; 9/ Cao Văn A; 10/ Cao Văn M ở cùng địa phương; 11/ Cao Văn A ở Thốt Nốt, Cần Thơ, không biết địa chỉ cụ thể và 12/ Cao Văn Ngh.

Cha mẹ anh có 9000m² đất, vào năm 1991 Nhà nước có chủ trương làm kênh biên giới và mức ngay chính giữa phần đất của cha mẹ anh lên hai bờ kênh, đất không còn nữa chỉ còn phần đất tranh chấp khoảng hơn 1000m² hiện không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc đất số 34, không biết chị Tuyết Ng có đứng tên quyền sử dụng đất hay không, khi Nhà nước làm đường có thu hồi đất và bồi thường cho các anh em hơn 400.000.000đ nhưng khi nhận tiền thì chỉ có 242.010.000đ, không biết Nhà nước thu hồi bao nhiêu đất, số thửa đất, tờ bản đồ, chỉ biết kê nhận tiền thì nhận tiền. Tại phiên tòa trình bày, diện tích đất bị thu hồi là 922m² thuộc thửa 946.

Anh là người trực tiếp nhận tiền, khi nhận tiền bồi thường các anh chị của anh không có ai tranh chấp hay ngăn cản, vì anh là con út trong gia đình nên đất tranh chấp là cha mẹ anh để lại cho anh, không phải của chung các anh chị em, việc cho đất không có làm giấy tờ, cha mẹ chết không để lại di chúc, anh em của anh không có ai từng canh tác đất tranh chấp. Khi chưa làm Đường tuần tra biên giới thì đất của bà N giáp ranh dưới, ranh ngang nhau, không có lối lổm hay thụt vô ra với đất của anh, Đường tuần tra biên giới làm đường thẳng, theo cù trở nên đất anh vẫn còn. Khi bị thu hồi đất, anh có thắc mắc hỏi, tại sao đất của anh nhiều mà bồi thường tiền ít thì cán bộ nói đất của anh thu hồi bao nhiêu thì bồi thường tiền bấy nhiêu, còn lại của anh thì anh làm, nghĩa là diện tích đất tranh chấp là của anh, nhưng lúc đó anh không có trồng cây gì, không có làm lúa chỉ để chà, nước ngập nhưng đất hiện đã bằng phẳng, do đi làm xa nên không biết đất tranh chấp bà N canh tác trồng lúa, không biết bà N trồng lúa khi nào, chỉ biết các anh chị của anh ở gần điện thoại cho anh hay nên anh có về ngăn cản vào năm 2020 nhưng không có thừa chính quyền địa phương. Anh có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đòi lại đất tranh chấp nhưng sau đó rút đơn là do Tòa án hướng dẫn phải tất cả anh chị em của anh cùng làm đơn kiện, thấy rắc rối, lu bu, khó khăn quá nên anh không kiện bà N đòi lại đất.

Đường tuần tra biên giới bắt đầu làm vào năm 2015, lúc đó giữa anh và ông Cao Văn Th không có tranh chấp đất nhưng trước đó vào năm 2013 thì anh và ông Th có tranh chấp đất, phần đất có diện tích 1224m² không rõ số thửa đất, tờ bản đồ lúc đó hòa giải thì anh và ông Th thương lượng, giải quyết anh được phần đất có diện tích 1224m² đất chưa được cấp quyền sử dụng. Nhà nước thu hồi phần đất của anh có diện tích 922m² là không phải đất tranh chấp giữa anh và ông Th vào năm 2013 tại phiên tòa anh Ngh thừa nhận là phần đất hiện đang tranh chấp và phần đất của ông Th được bồi thường hơn 200m² cũng là của anh, nhưng lúc đó anh không có khiếu nại hay tranh chấp về việc đất bị thu hồi cũng như tiền bồi thường của ông Th.

Phần đất tranh chấp khi Tòa án án tiến hành đo đạc hiện không có ai sử dụng, để trống, vì anh đã cắm trụ đá, nói không cho ai canh tác. Thực tế phần đất hiện đang tranh chấp là đất ruộng, trước khi anh tranh chấp thì bên gia đình bà N canh tác lúa, anh có ngăn cản, tranh chấp không cho gia đình bà N sử dụng đất từ năm 2020 đến nay (năm 2024), thống nhất đất tranh chấp cho thuê hàng năm với giá 1.500.000đ. Khi Nhà nước thu hồi đất còn dư lại phần đất tranh chấp anh chưa từng đến chính quyền địa phương kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng anh có từng cắm trụ ranh đất với ông Th, không biết hiện tại trên đất tranh chấp còn trụ đá không, vì anh không có vô kiểm tra, những người biết anh cắm trụ ranh thì đã chết hết, ông Nguyễn Văn H là chồng của bà X, anh rể của anh ở gần đất tranh chấp và bà N chứng kiến nhưng sau đó thì không biết ai nhổ trụ ranh đất hai bên, thì ông Hợp điện cho anh hay thì anh về nói chuyện với bà N sao nhổ trụ, sau đó anh và bà N cắm ranh lại thì bà N không đồng ý nên hai bên tranh chấp cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai trước đó thì anh có trình bày “bà Út tên Trần Thị N trồng lúa khoảng hơn 10 năm, khi bà N canh tác đất tranh chấp thì anh không có tranh chấp nhưng có nói với ông Th chồng bà N phần đất nào của ông Th thì ông Th canh tác, còn phần nào của anh thì để lại cho anh và anh đã cắm ranh không rõ diện tích, anh để không, là cái học lộ, có để chà, không có trồng cây gì, vì đất bị mức làm đường hết, không canh tác được” thì anh thu hồi lại những lời đã trình bày trước đó, lý do anh thu hồi lại lời trình bày bà N sử dụng đất tranh chấp khoảng 10 năm, vì anh chưa hiểu câu hỏi của Thẩm phán, anh nghe không kịp câu hỏi.

Theo sơ đồ đo đạc thực tế thì phần đất của anh còn lại sau khi bị Nhà nước thu hồi làm Đường tuần tra biên giới là từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M7, M8, M15, M12, M13 trở về mốc M1 nhưng không biết diện tích bao nhiêu, thuộc thửa đất, tờ bản đồ, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không phải đất của chị Tuyết Ng. Khi Ủy ban nhân dân xã hòa giải anh yêu cầu chị Ng hỗ trợ cho anh 50.000.000đ nhưng chị Ng chỉ đồng ý hỗ trợ 20.000.000đ, anh không thống nhất, lý do anh yêu cầu chị Ng hỗ trợ 50.000.000đ là vì nghĩ đất tranh chấp bà N làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi, nghĩ thua kiện nên định lấy tiền, nghĩa là nếu toàn bộ diện tích đất tranh chấp do gia đình bà N đứng tên quyền sử dụng đất thì anh sẽ không tranh chấp hay thưa kiện. Nay anh không đồng ý nhận 30.000.000đ nếu sau khi xác định đất tranh chấp không phải là của anh thì anh thống nhất không khiếu nại hay yêu cầu bồi thường khoản tiền nào từ chị Tuyết Nga. Anh yêu cầu bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Ng, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L trả lại cho anh phần đất có diện tích 904,4m² thuộc đất số 1515, tờ bản đồ số 03 theo sơ đồ đo đạc ngày 22/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự gồm các mốc A, B, M15, M12, A, nghĩa là yêu cầu công nhận đất tranh chấp là của anh (không bao gồm đất thủy lợi thửa số 4, diện tích 5,3m² và phần đất thuộc thửa số 34 của bà Ng). Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Nếu đất tranh chấp không thuộc thửa 946 thì anh thống nhất bồi thường thiệt hại 6.000.000đ cho chị Ng và trả lại đất cho các nguyên đơn, lúc thì không thống nhất bồi thường tiền. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác, gia đình anh không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, anh không phải là người có công với cách mạng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 người làm chứng ông Nguyễn Hoàng M, trình bày: Ông không có bà con hay mâu thuẫn với bà N, anh Ngh. Ông là người thuê đất của bà N canh tác, diện tích khoảng 4.500m² thuê 10 năm nay, ông thuê đất bao gồm luôn phần đất bà N, anh Ngh đang tranh chấp. Theo ông phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của vợ chồng bà N, từ trước tới nay anh Ngh cũng như anh em anh Ngh không có canh tác đất. Đường tuần tra biên giới làm lần đầu vào năm 1989, lần sau khi nào không rõ, còn đất anh Ngh chỉ có 01 phần nhỏ cặp chân lộ hiện ông H sử dụng, xéo cánh buồm ngang chỉ 3-4m, ngang đầu kia khoảng 02m, dài 20-30m giáp với đất mà ông đang thuê của bà N canh tác, giữa hai bên không có đường bờ. Phần đất tranh chấp từ trước đến nay không thấy anh Ngh để chà gì hết. Đất anh Ngh tổng diện tích bao nhiêu không rõ, ông canh tác đất tranh chấp đến khi anh Ngh tranh chấp khoảng 01-02 năm nay thì ngưng không canh tác nữa, đất tranh chấp hiện bỏ hoang không ai canh tác, ông cũng không tranh chấp hợp đồng thuê đất giữa ông và bà N, không thừa kiện gì với bà N, anh Ngh, còn phần đất còn lại của bà N không tranh chấp thì ông vẫn thuê bình thường.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 người làm chứng anh Lê Văn Chg, trình bày: Anh không có mâu thuẫn hay bà con với bà N, anh Ngh. Anh là người thuê đất của ông C là phần đất giáp ranh với đất của bà N, ngoài ra đất anh cũng giáp ranh với đất của ông C, trên sơ đồ thể hiện tên Huỳnh Thị Thùy L là vợ anh. Anh canh tác đất gần nên anh thấy phần đất của bà N bao gồm 1000m² đất tranh chấp là do phía bà N canh tác, sau đó ông Nguyễn Hoàng M thuê, thuê từ 10 năm nay, ông M canh tác bình thường, một thời gian sau không nhớ khi nào có một phần bỏ trống, cỏ mọc hoang hời mới biết là phần này tranh chấp, người khác ngăn cản, không cho canh tác. Phần đất ông H cất nhà không biết đất của ai, ông H ở gần đất ông M đang làm, cặp ranh đất ngoài của bà N, khoảng cách từ nhà ông H đến đất tranh chấp (phần bỏ hoang) khoảng 40m. Anh chưa từng thấy anh Ngh và anh em anh Ngh canh tác đất tranh chấp hoặc để chà gì hết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 người làm chứng ông Trần Văn N, trình bày: Ông không có bà con hay mâu thuẫn với bà N, anh Ngh. Ông có biết phần đất bà N, anh Ngh đang tranh chấp tại Tòa án. Theo ông biết phần đất tranh chấp đều do ông Cao Văn Th (chồng bà N) và gia đình canh tác, còn phía anh Ngh không có canh tác. Mặc dù đất ông không gần đất tranh chấp nhưng trước đây ông có đặt máy bơm nước chạy nước tới đất tranh chấp. Ông không biết nguồn gốc đất tranh chấp từ đâu cũng không biết đất ông Th, anh Ngh bao nhiêu. Phần đất tranh chấp từ trước tới nay không có ai để chà gì hết, chỉ thấy ông Th canh tác, còn chân lộ thì thấy ông H trồng bầu nhưng hiện cũng không còn trồng. Ông H là chồng bà Cao Thị X (chị ruột anh Ngh) cũng thuê đất ở tạm chứ không phải đất nhà ông H. Nhà nước làm Đường tuần tra biên giới khi nào không nhớ, chỉ nhớ thu hồi đất 01 lần, thời điểm đó không nghe ông Th, anh Ngh tranh chấp đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 người làm chứng bà Cao Thị X, trình bày: Bà là chị ruột anh Cao Văn Ngh. Từ trước tới nay bà sống gần đất tranh chấp, khoảng cách từ căn nhà hiện tại của bà đến đất tranh chấp khoảng 100m. Lúc trước không rõ đất của cha mẹ bà bao nhiêu, chỉ biết khoảng chín công rưỡi. Sau đó Nhà nước mức kênh lấy đất của gia đình bà nhưng không biết lấy bao nhiêu đất nhưng được bồi thường, không nhớ Đường tuần tra biên giới làm khi

nào nhưng trước kia bà cất nhà ở vị trí hiện nay thì bà cất nhà bên kia đường cặp mí nước, còn vị trí hiện nay là ở đậu (ở nhờ). Đất tranh chấp từ trước đến nay chỉ có gia đình bà N quản lý, sử dụng bằng cách cho người khác thuê, còn anh Ngh và chị em bà không có sử dụng đất, đến nay kiểm tra ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N chỉ có 3.600m². Do đó, phần còn dư ra là của anh Ngh nên anh Ngh yêu cầu trả lại. Còn lý do bà cho rằng đất tranh chấp là của anh Ngh mà bà không cất nhà ở mà ở đậu là vì đất tranh chấp thấp, trũng, còn việc gia đình bà không sử dụng đất tranh chấp là vì gia đình bà N bao chiếm, không rõ Nhà nước làm đường thu hồi đất và bồi thường cho anh Ngh bao nhiêu tiền. Đường Nhà nước làm khoảng 4-5 năm nay, anh Ngh cũng có tới lui, ghé nhà bà chơi. Trước khi tranh chấp đất thì anh Ngh cũng có kêu bà cất nhà tại đất tranh chấp nhưng bà không chịu, vì đất tranh chấp thấp hơn. Đất tranh chấp bà xác định từ trước đến nay đều do phía bà N quản lý, sử dụng còn gia đình bà, anh Ngh không có sử dụng. Phần đất phía sau nhà bà là giáp với đất bà N luôn. Theo bà đất tranh chấp là cha mẹ bà để lại cho anh Ngh nên bà không có thừa kiện hay tranh chấp gì với bà N, anh Ngh hết, để anh Ngh toàn quyền quyết định, còn đất bà cất nhà là đất của gia đình bà, do ông A em của bà bán cho ông C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 người làm chứng anh Võ Văn Th, trình bày: Anh không có bà con hay mâu thuẫn gì với bà N, anh Ngh. Anh là em ruột ông Võ Văn L, đất của anh giáp ranh với đất chị Ng, ông C. Từ nhỏ đến nay anh tới lui canh tác đất nên anh biết rõ phần đất của bà N và đất tranh chấp đều do gia đình ông Th canh tác, còn anh Ngh và anh em anh Ngh thì không thấy canh tác, cũng không có học lộ nào bị mức đất xung quanh để làm đường. Đất của anh Ngh thì anh không biết nằm ở đâu, nhưng gần đất anh thì không có đất của anh Ngh. Đường tuần tra biên giới anh nhớ chỉ mới làm khoảng năm 2017, còn Quyết định thu hồi và bồi thường thì trước đó. Kể từ khi Nhà nước thu hồi đất thì thấy anh Ngh tới lui đất tranh chấp, đến lúc làm đường anh Ngh cũng chưa tranh chấp đất, đến khi đường làm xong anh Ngh nói là đất của anh Ngh. Trước đây anh có hỏi thăm người lớn tuổi và cha anh khi còn sống kể lại trước kia đất của cha anh Ngh giáp ranh với đất anh, tuy nhiên Nhà nước đã thu hồi hết, hiện đất gia đình anh Ngh không còn, còn những người lớn tuổi kể anh nghe thì anh không rõ họ tên, còn ông H (anh của anh Ngh) trước kia ở trên đường kênh, phần đất cũ, chưa quy hoạch, còn căn nhà hiện tại mới dời khoảng năm 2017 cất trên đất do Nhà nước thuê cho ông H ở.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Văn T, trình bày: Ông không có bà con hay mâu thuẫn với hai bên, ông có đất canh tác gần đất tranh chấp. Không nhớ ngày tháng, chỉ nhớ anh Ngh có đưa cho ông ký tên vào tờ làm chứng, ông không biết chữ, chỉ biết ký tên cũng không đọc lại nội dung anh Ngh ghi như thế nào, chỉ nhớ ký tên là có đất gần đất anh Ngh, bà N. Đất bà N phía sau nhà bà X. Ông không biết đất anh Ngh, bà N có diện tích bao nhiêu, thu hồi bao nhiêu, cũng không biết diện tích đất hai bên đang tranh chấp như thế nào, ai sử dụng ra sao, không thấy để chà, trước đó không ai canh tác, có cái học ngay mé đường, gần nhà bà Xinh, chỉ biết trước khi làm đường thì có đất gần, giờ làm đường nên không xác định được vị trí đất tranh chấp của hai bên ra sao. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Phạm Văn S, trình bày: Ông không có bà con hay mâu thuẫn với hai bên, chỉ nhớ năm 1985-1986 gia đình ông có chạy nước lúa. Ông nhớ khi chạy nước lúa thì đất của ông Thchỉ có 2,3 công đến 2,5 công, ông bơm nước nên biết, đất anh Ngh khoảng 09-10 công, còn lại 03-04 công, trước ủi lấy đất hết, bề ngang ít, chiều dài nhiều, đất ông Ngh còn một công rưỡi, không có canh tác nữa nên bị lấy luôn, ông thấy có cái hộc, có đề chà nhưng không biết của ai, không biết ai trang trải, đất sâu, ông Th gần lún ra, không biết lún ra bao nhiêu. Anh Ngh đi làm khoảng 11-12 năm nay, không quan tâm, biết làm đường nên thấy anh Ngh chôn trụ đá, đó là đất của anh Ngh. Năm 1991 kinh mức không hoạt động nữa, đất của anh Ngh xả (chia) ra làm 2, đất của ông Th có dính, nước lên kinh mức có chút đỉnh để nuôi sống gia đình anh Ngh. Anh Ngh có làm đơn đưa cho ông ký tên nhưng nội dung như thế nào không nhớ, đất của anh Ngh song song với đường, không có lồi lõm (vô, ra), xuôi theo đường ranh giới, đến nhà bà X, còn của bà N đất sỏ sông, không có lồi lõm, ô vuông. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 47/2024/DS-ST, ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L, chị Cao Thị Tuyết Ng. Buộc anh Cao Văn Ngh trả lại cho bà N, chị Thu, chị Lan, chị Ng phần đất có diện tích 904,4m² trong phạm vi từ mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Tuyết Ng, Buộc anh Cao Văn Ngh bồi thường thiệt hại không canh tác được đất tranh chấp cho chị Ng với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Cao Văn Ngh, về việc yêu cầu bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L, chị Cao Thị Tuyết Ng, trả lại (công nhận) cho anh Ngh được sử dụng phần đất có diện tích 904,4m² trong phạm vi từ mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 22/12/2022 và sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 09/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích thực tế đang sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh Cao Văn Ngh trả lại cho chị Cao Thị Tuyết Ng 5.048.000đ (năm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Anh Cao Văn Ngh chịu 900.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.035.000đ theo biên lai thu số 0006100 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, anh Ngh được nhận lại 1.135.000đ (một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

5.2 Chị Cao Thị Tuyết Ng, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.682.000đ theo biên lai thu số 0004148 ngày 28/11/2022, chị Cao Thị Tuyết Ng, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006168 ngày 19/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 08 năm 2024, anh Cao Văn Nghkháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 01/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Anh Cao Văn Ngh kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu của chị Cao Thị Tuyết Ng và xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của anh Cao Văn Ngh là buộc các nguyên đơn trả lại cho anh phần đất tranh chấp diện tích 904,4m² thuộc thửa 1515, tờ bản đồ số 03.

Ngày 15 tháng 08 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự kháng nghị phúc thẩm tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 176/QĐKNPT-VKS-DS. Quyết định kháng nghị phúc thẩm: xác định Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ về phần đất bị thu hồi của ông Th (là cha của chị Ng) và thu hồi của hộ anh Ngh để thực hiện dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2014 – 2015, ngoài ra bản án sơ thẩm còn thiếu tư cách đương sự, thiếu quan hệ tranh chấp. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Cao Văn Ngh trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 904,4m² trong phạm vi các mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa 1515, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là của anh Cao Văn Ngh đã được cha mẹ (là ông Cao Văn G, bà Phạm Thị X) chết để lại cho anh quản lý sử dụng (đất chưa được cấp giấy). Do đó, phần đất còn lại **diện tích 904,4m²** (đang tranh chấp) là của anh Cao Văn Ngh. Ngoài ra, anh Cao Văn Ngh không thừa nhận là có việc ngăn cản, hăm dọa người thuê đất của bà Ng và cũng không có hăm dọa ai khác nên không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000đ cho chị Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự và tại phiên tòa HĐXX đã thu thập chứng cứ đối với phần đất bị thu hồi của ông Th (là cha chị Ng) và thu hồi của hộ anh Ngh để thực hiện dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2014 – 2015 tại UBND huyện Hồng Ngự và Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp để có cơ sở xem xét yêu cầu kháng nghị và kháng cáo của anh Ngh và Hội đồng xét xử đã tiến hành thu thập chứng cứ xong. Do đó, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút lại một phần nội dung của quyết định kháng nghị phúc thẩm số:

176/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án theo hướng không chấp nhận kháng cáo của anh Cao Văn Ngh, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Cao Văn Ngh đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của anh Cao Văn Ngh được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo về việc thụ lý bổ sung số 12/TB-TLVA ngày 19/6/2024 đối với yêu cầu của chị Cao Thị Tuyết Ng thì đã có thụ lý bổ sung quan hệ tranh chấp QSD đất và bồi thường thiệt hại về tài sản (BL 274); Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm sai sót thiếu quan hệ tranh chấp “...và bồi thường thiệt hại về tài sản” là chưa đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung, quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Cao Văn Ngh:

Nguồn gốc đất tranh chấp, bị đơn anh Cao Văn Ngh cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích **904,4m²** thuộc một phần thửa 1515 là có nguồn gốc từ **thửa 946** của cha mẹ (là ông Cao Văn Gi, bà Phạm Thị X, chết năm 2014) chết lại cho anh canh tác cho đến năm 2014 thì Nhà nước thực hiện dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp giai đoạn năm 2014 – 2016 nên UBND huyện Hồng Ngự có ban hành Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 về việc điều chỉnh đối tượng sử dụng đất và diện tích tại Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 thì anh Cao Văn Ngh đã được Nhà nước thu hồi **diện tích 922m²** và tại Công văn số 949/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 28/11/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp xác định “*Hộ ông Cao Văn Ngh bị thu hồi **diện tích 922m²**, thuộc một phần thửa đất số 946, tờ bản đồ số 3. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” nên anh Cao Văn Ngh cho rằng phần đất đang tranh chấp diện tích **904,4m²** thuộc một phần thửa 946 cũ nay là thửa 1515 mới. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Cao Văn Ngh đề nghị tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND huyện Hồng Ngự và Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp nếu trường hợp xác định phần đất tranh chấp diện tích **904,4m²** **không phải thuộc một phần thửa 946, tờ bản đồ số 3** thì anh Cao Văn Ngh tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu

kháng cáo và Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh.

Xét thấy, anh Cao Văn Ngh thừa nhận từ năm 2014 sau khi Nhà nước thu hồi đất và bồi thường cho anh thì anh không còn canh tác hay sử dụng phần đất nào khác gần với vị trí đất đang tranh chấp, anh Ngh cũng thừa nhận từ sau khi Nhà nước thu hồi đất của anh thì vị trí đất tranh chấp là cái học (cái ao lạn), không rõ diện tích bao nhiêu, không sử dụng việc vào mục đích trồng trọt hay chăn nuôi gì khác. Đồng thời, thực tế từ năm 2014 cho đến nay thì gia đình ông Th(chồng và cha của các nguyên đơn) đã tôn tạo, san lấp từ đất ao lạn thành đất ruộng như hiện nay và gia đình bà N đã canh tác được khoảng 10 năm, nhưng anh Ngh và các anh chị của anh Ngh ở gần phần đất đang tranh chấp cũng không ngăn cản hay tranh chấp gì với ông Th, bà N là phù hợp với lời khai những người làm chứng như anh Võ Văn Th, ông Nguyễn Hoàng M, anh Lê Văn Ch, ông Trần Văn N và bà Cao Thị X (*chị ruột của anh Ngh*) đều trình bày anh Ngh không có quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp mà chỉ có gia đình bà N quản lý, canh tác đất. Còn ông Nguyễn Văn T thì không xác định được vị trí đất tranh chấp của bà N, anh Ngh như thế nào, cũng không xác định ai sử dụng đất. Lời khai của ông Phạm Văn S thì cho rằng đất anh Ngh khoảng 09-10 công, còn lại 03-04 công, trước ủi lấy đất hết, đất xả (chia) làm hai, bề ngang ít, chiều dài nhiều, ông S thấy có cái học có đề chà nhưng không biết của ai và cho rằng đất ông Th gần nên lần ra nhưng không xác định ông Th lấn bao nhiêu đất. Do đó, lời khai của ông S cũng chưa đủ căn cứ chứng minh đất tranh chấp 904,4m² thuộc ông Ngh sử dụng từ trước đến nay.

[3] Tại Công văn số 949/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 28/11/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Tháp thì diện tích của anh Ngh được thu hồi 922m² làm Đường tuần tra biên giới (*theo Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 về việc điều chỉnh đối tượng sử dụng đất và diện tích tại Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND huyện Hồng Ngự*) và Công văn số 2747/CNVPĐKĐĐ-ĐKCG&TTLT ngày 31/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự, xác nhận: “**Thửa 1515** tờ bản đồ 3, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1 là thửa đất được cho thêm từ phần diện tích đất chưa được giải thửa và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, nên thửa 1515 đang tranh chấp không hình thành hay được tách ra từ thửa 946 hay thửa 947. Do đó, phần đất tranh chấp diện tích **904,4m²** trong phạm vi các mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (*theo sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 09/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp*).

[4] Tại Công văn số 188/UBND - HC ngày 24/01/2025 của UBND huyện Hồng Ngự, xác định: “- *Phần diện tích đất tranh chấp 904,4m² thuộc một phần thửa 1515, tờ bản đồ số 3 là thửa đất được cho thêm từ phần diện tích đất chưa được giải thửa; do đó, diện tích 904,4m² không thuộc thửa đất số 946, 947 ...*

- *Thửa đất số 1515, tờ bản đồ số 3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo sổ mục kê đang quản lý chưa thể hiện tên người sử dụng đất.*

Việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 137, Điều 138 Luật đất đai năm 2024”.

Theo Công văn số 03/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 07/3/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất, xác định “*Hộ ông Cao Văn Ngh ký tên thống nhất trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 14/4/2015, tại thửa 19, tờ bản đồ số 14 thuộc Mảnh trích đo địa chính số ĐT14- 2014, đo đạc theo dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2014 – 2016, diện tích 922m², mục đích sử dụng đất trồng lúa.*

*Hộ ông Cao Văn Th ký tên thống nhất trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 19/4/2015, tại thửa 20, tờ bản đồ số 14 thuộc Mảnh trích đo địa chính số ĐT14- 2014, đo đạc theo dự án Đường tuần tra biên giới tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2014 – 2016, diện tích 210,3m², mục đích sử dụng đất trồng lúa...”. Ngoài ra, tại Công văn số 03/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 07/3/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất, xác định “*Bảng tổng hợp diện tích đất thu hồi và nguồn gốc sử dụng đất do UBND xã Thường Phước 1 và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng Ngự kiểm tra, xác nhận ngày 28/4/2015 ghi nhận trường hợp ông Cao Văn Ngh, tại thửa 19, tờ bản đồ trích đo địa chính số 14, diện tích thu hồi 922,0m², tỷ lệ thu hồi đất 100%”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Cao Văn Ngh về việc buộc các nguyên đơn trả lại cho anh phần đất tranh chấp diện tích 904,4m² thuộc thửa 1515, tờ bản đồ số 03 là có căn cứ.**

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/01/2025 anh Cao Văn Ngh cho rằng tại Công văn số 949/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 28/11/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất xác định diện tích 922,0m², thuộc một phần thửa đất số 946 của hộ anh Ngh nên anh Ngh xác định phần đất còn lại của thửa 946 chính là vị trí diện tích 904,4m² thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3 đang tranh chấp hiện nay là của anh Ngh. Trường hợp cơ quan quản lý đất đai có văn bản xác định phần đất tranh chấp diện tích 904,4m², không thuộc một phần thửa đất số 946 thì anh Ngh tự nguyện xin rút đơn kháng cáo và theo Công văn số 188/UBND - HC ngày 24/01/2025 của UBND huyện Hồng Ngự và Công văn số 03/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 07/3/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất đều xác định phần đất tranh chấp diện tích 904,4m² thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3 không thuộc thửa đất số 946 nhưng anh Ngh không tự nguyện rút đơn kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét kháng cáo Cao Văn Ngh cho rằng diện tích 904,4m², trong phạm vi các mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa đất số 946 là không có căn cứ và tại phiên tòa anh Ngh thừa nhận có việc đem trụ đá xuống đất tranh chấp cắm trụ ranh, ngăn cản không cho gia đình bà N sử dụng từ năm 2020 cho đến nay năm 2024 và tại phiên tòa thống nhất tiền thuê đất tranh chấp hàng năm 1.500.000đ và thừa nhận nếu đất tranh chấp là của các nguyên đơn thì anh Ngh thống nhất bồi thường cho chị Ng số tiền là 6.000.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Tuyết Ng về việc buộc anh Cao Văn Ngh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Cao Thị Tuyết Ng với số tiền là 6.000.000đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Cao Văn Ngh không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Tỉnh xác định cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX đã thu thập chứng cứ đầy đủ nên đại diện Viện kiểm sát xin rút lại một phần nội dung của Quyết định kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Cao Văn Ngh là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Cao Văn Ngh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự (Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 176/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15/8/2024).

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Cao Văn Ngh.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2024/DS-ST ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L, chị Cao Thị Tuyết Ng. Buộc anh Cao Văn Ngh trả lại cho bà N, chị Th, chị L, chị Ng phần đất có diện tích 904,4m² trong phạm vi từ mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Tuyết Ng. Buộc anh Cao Văn Ngh bồi thường thiệt hại không canh tác được đất tranh chấp cho chị Cao Thị Tuyết Ng với số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Cao Văn Ngh, về việc yêu cầu bà Trần Thị N, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L, chị Cao Thị Tuyết Ng, trả lại (công nhận) cho anh Ngh được sử dụng phần đất có diện tích 904,4m² trong phạm vi từ mốc M14, M15, M8, M16, M17, M12, trở về mốc M14 thuộc một phần thửa 1515 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 22/12/2022 và sơ đồ xác định diện tích thửa đất ngày 09/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích thực tế đang sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh Cao Văn Ngh trả lại cho chị Cao Thị Tuyết Ng 5.048.000đ (năm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Anh Cao Văn Ngh chịu 900.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.035.000đ theo biên lai thu số 0006100 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, anh Ngh được nhận lại 1.135.000đ (một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

5.2 Chị Cao Thị Tuyết Ng, chị Cao Thị Tuyết Th, chị Cao Thị Tuyết L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.682.000đ theo biên lai thu số 0004148 ngày 28/11/2022, chị Cao Thị Tuyết Ng, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006168 ngày 19/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí phúc thẩm: Anh Cao Văn Ngh phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006277 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành